

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 210/2023/DS-ST

Ngày: 09-8-2023

V/v Tranh chấp hợp đồng
dân sự về góp hụi

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Võ Thị Ngọc Quyền**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Văn Bài;

Bà Lê Thị Cúc Hoa.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Phước Thành**- Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Trà Vinh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hoàng Danh**- Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 8 năm 2023, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 207/2022/TLST-DS ngày 09 tháng 11 năm 2022; về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự về góp hụi”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 318/2023/QĐXXST-DS, ngày 29 tháng 6 năm 2023 và quyết định hoãn phiên tòa số: 236/2023/QĐST-DS ngày ngày 17 tháng 7 năm 2023; giữa:

- Nguyên đơn: Bà **Thạch C**, sinh năm 1968 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Tr, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh

Người đại diện hợp pháp của bà **Thạch C**: chị **Thạch Thị Nam**, sinh năm 2000 theo văn bản ủy quyền ngày 09/12/2022 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Bà **Thạch M**, sinh năm 1963 (vắng mặt không lý do).

Địa chỉ: Ấp Tr, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh **Thạch Chuôi**, sinh năm 1982 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ : ấp Tr, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 02-8-2022 (bút lục 02) trong quá trình giải quyết nguyên đơn bà Thạch C trình bày:

Bà có mở các dây hụi số 1,2,3 loại hụi 2.000.000 đồng khui vào ngày 09/9/2019 dương lịch và dây số 4 và 5 loại hụi 2.000.000 đồng khui vào ngày 09/12/2019 dương lịch; chỉ thỏa thuận bằng lời nói không có làm văn bản, bà có giao danh sách hụi viên cho các hụi viên theo dõi, mỗi dây hụi này có 15 phần, huê hồng đầu thảo hưởng 600.000 đồng/lần hốt, hụi khui theo tháng, 01 tháng khui 01 lần, trong dây hụi này bà Thạch M tham gia cụ thể như sau:

1. Đối với dây số 1 loại hụi 2.000.000 đồng khui vào ngày 09/9/2019 dương lịch bà M tham gia 01 phần kêu hốt đầu tiên số tiền kêu là 850.000 đồng và bà đã giao hụi cho bà M đầy đủ. Nhưng bà M chỉ đóng được 09 lần, đến lần thứ 10 bà M không đóng nữa, bà đã choàng hụi cho bà M 06 lần với số tiền bằng 12.000.000 đồng.

2. Đối với dây số 2 loại hụi 2.000.000 đồng khui vào ngày 09/9/2019 dương lịch bà M tham gia 01 phần kêu hốt lần 5 số tiền kêu là 990.000 đồng và bà đã giao hụi cho bà M đầy đủ. Nhưng bà M chỉ đóng được 09 lần, đến lần thứ 10 bà M không đóng nữa, bà đã choàng hụi cho bà M 06 lần với số tiền bằng 12.000.000 đồng.

3. Đối với dây số 3 loại hụi 2.000.000 đồng khui vào ngày 09/9/2019 dương lịch bà M tham gia 01 phần kêu hốt lần số 6 số tiền kêu là 910.000 đồng và bà đã giao hụi cho bà M đầy đủ. Nhưng bà M chỉ đóng được 09 lần, đến lần thứ 10 bà M không đóng nữa, bà đã choàng hụi cho bà M 06 lần với số tiền bằng 12.000.000 đồng.

4. Đối với dây số 4 loại hụi 2.000.000 đồng khui vào ngày 09/12/2019 dương lịch bà M tham gia 04 phần và 01 phần chơi chung bà Thạch Thị Thone (Than Phone), tổng cộng là 4,5 phần. Đối với dây hụi này bà M còn sống 03 phần, mỗi phần sống bà M đóng cho bà 06 lần với số tiền 6.840.000 đồng x 03 phần. Tổng số tiền hụi sống 03 phần bà M đã đóng là 20.520.000 đồng. Phần bà M chơi chung bà Thone đã kêu hốt lần 1 số tiền là 600.000 đồng bà đã giao hụi cho hai bà M và bà Thone đầy đủ. Có 01 phần bà M kêu hốt lần 6 kêu số tiền là 1.010.000 đồng và bà đã giao hụi cho bà M đầy đủ. Nhưng đến lần 7 bà úp hụi bà M không đóng nữa. Do đó đối với phần hụi bà M chơi chung với bà Thone bà M phải hoàn $\frac{1}{2}$ số tiền vốn cho 09 hụi viên sống là 700.000 đồng x 09 hụi viên = 6.300.000 đồng và phần hai bà M hốt riêng bà M phải hoàn vốn cho 09 hụi viên sống là 990.000 đồng x 09 hụi viên = 8.910.000 đồng. Đối với dây hụi này số vốn bà M

đóng là 20.520.000 đồng, số vốn bà M phải hoàn lại đối với 02 phần chết là 15.210.000 đồng nên bà đồng ý hoàn lại cho bà M 5.310.000 đồng.

5. Đối với dây số 5 loại hụi 2.000.000 đồng khai vào ngày 09/12/2019 dương lịch bà M tham gia 03 phần. Đối với dây hụi này bà M còn sống 01 phần và đóng cho bà 06 lần với số tiền 6.950.000 đồng. 01 phần bà M kêu hốt lần 3 kêu số tiền là 840.000 đồng và bà đã giao hụi cho bà M đầy đủ 01 phần bà M kêu hốt lần 4 với số tiền 900.000 đồng bà cũng đã giao đủ tiền cho bà M. Nhưng đến lần 7 bà úp bụi bà M không đóng nữa. Do đó đối với hai phần hụi chết này bà M phải hoàn vốn mỗi phần là 1.100.000 đồng x 09 hụi viên = 9.900.000 đồng và 01 phần hụi bà M phải hoàn vốn cho 09 hụi viên sống là 1.160.000 đồng x 09 hụi viên = 10.440.000 đồng. Đối với dây hụi này số vốn bà M đóng là 6.950.000 đồng, số vốn bà M phải hoàn lại đối với 02 phần chết là 20.340.000 đồng nên bà M phải trả bà 13.390.000 đồng.

Sau khi úp hụi bà M có trả cho bà 05 lần gồm: 02 lần đầu mỗi lần 5.000.000 đồng và 03 lần sau mỗi lần 1.000.000 đồng. Tổng cộng bà M đã trả thêm được 13.000.000 đồng. Sau khi cân trừ cả 05 dây hụi và 13.000.000 đồng này thì bà M còn nợ lại bà số tiền 31.080.000 đồng. Do đó bà yêu cầu bà Thạch M trả tiền hụi mà bà đã choàng tổng cộng bằng 31.080.000 đồng. Bà không yêu cầu tính lãi.

Tại biên bản lấy lời khai và trong quá trình giải quyết bị đơn bà Thạch M trình bày:

Bà thừa nhận có tham gia chơi hụi và có đóng cụ thể như sau:

1. Đối với dây số 1 loại hụi 2.000.000 đồng khai vào ngày 09/9/2019 dương lịch bà tham gia 01 phần kêu hốt đầu tiên số tiền kêu là 850.000 đồng và bà C đã giao hụi cho bà đầy đủ. Nhưng bà đóng được 09 lần, đến lần thứ 10 do hụi sống bà C úp nên bà không đóng nữa, bà C đã choàng hụi cho bà 06 lần với số tiền bằng 12.000.000 đồng.

2. Đối với dây số 2 loại hụi 2.000.000 đồng khai vào ngày 09/9/2019 dương lịch bà tham gia 01 phần kêu hốt lần 5 số tiền kêu là 990.000 đồng và bà C đã giao hụi cho bà đầy đủ. Nhưng bà đóng được 09 lần, đến lần thứ 10 do hụi sống bà C úp nên bà không đóng nữa, bà C đã choàng hụi cho bà 06 lần với số tiền bằng 12.000.000 đồng.

3. Đối với dây số 3 loại hụi 2.000.000 đồng khai vào ngày 09/9/2019 dương lịch bà tham gia 01 phần kêu hốt lần 6 số tiền kêu là 910.000 đồng và bà C đã giao hụi cho bà đầy đủ. Nhưng bà đóng được 09 lần, đến lần thứ 10 do hụi sống bà C úp nên bà không đóng nữa, bà C đã choàng hụi cho bà 06 lần với số tiền bằng 12.000.000 đồng.

4. Đối với dây số 4 loại hụi 2.000.000 đồng khai vào ngày 09/12/2019 dương lịch bà tham gia 04 phần và 01 phần chơi chung bà Thạch Thị Thone (Than Phone). Đối với dây hụi này bà còn sống 03 phần, mỗi phần sống bà đóng cho bà C 06 lần với số tiền 6.840.000 đồng x 03 phần. Tổng số tiền hụi sống 03 phần bà đã đóng là 20.520.000 đồng. Phần bà chơi chung bà Thone đã kêu hốt lần 1 số tiền là 600.000 đồng bà C đã giao hụi cho bà đầy đủ. Có 01 phần bà kêu hốt lần 6 kêu số tiền là 1.010.000 đồng và bà C đã giao hụi cho bà đầy đủ. Nhưng đến lần 7 bà C úp hụi nên bà không đóng nữa. Do đó đối với phần hụi bà chơi chung với bà Thone bà phải hoàn $\frac{1}{2}$ số tiền vốn cho 09 hụi viên sống là 700.000 đồng x 09 hụi viên = 6.300.000 đồng và phần hụi bà hốt riêng bà phải hoàn vốn cho 09 hụi viên sống là 990.000 đồng x 09 hụi viên 8.910.000 đồng. Đối với dây hụi này số vốn bà đóng là 20.520.000 đồng, số vốn bà phải hoàn lại đối với 02 phần chết là 15.210.000 đồng nên bà yêu cầu bà C hoàn cho bà số tiền 5.310.000 đồng.

5. Đối với dây số 5 loại hụi 2.000.000 đồng khai vào ngày 09/12/2019 dương lịch bà tham gia 03 phần. Đối với dây hụi này bà còn sống 01 phần và đóng cho bà C 06 lần với số tiền 6.950.000 đồng. 01 phần bà kêu hốt lần 3 kêu số tiền là 840.000 đồng và bà C đã giao hụi cho bà đầy đủ 01 phần bà kêu hốt lần 4 với số tiền 900.000 đồng bà C cũng đã giao đủ tiền cho bà. Nhưng đến lần 7 bà C úp hụi nên bà không đóng nữa. Do đó đối với hai phần hụi chết này bà phải hoàn vốn mỗi phần là 1.100.000 đồng x 09 hụi viên = 9.900.000 đồng và 01 phần hụi bà phải hoàn vốn cho 09 hụi viên sống là 1.160.000 đồng x 09 hụi viên = 10.440.000 đồng. Đối với dây hụi này số vốn bà đóng là 6.950.000 đồng, số vốn bà phải hoàn lại đối với 02 phần chết là 20.340.000 đồng nên bà sẽ trả bà C 13.390.000 đồng.

Sau khi úp hụi bà có trả cho bà C 05 lần cụ thể 02 lần đầu mỗi lần 5.000.000 đồng và 03 lần sau mỗi lần 1.000.000 đồng. Tổng cộng bà đã trả thêm được 13.000.000 đồng. Sau khi cân trừ cả 05 dây hụi và 13.000.000 đồng này thì bà còn nợ lại bà C số tiền 31.080.000 đồng. Tuy nhiên hụi đã úp nên bà không có khả năng trả nợ cho bà C.

Những vấn đề các bên đương sự thống nhất

Bà Thạch M thừa nhận còn nợ bà C tổng số tiền 31.080.000 đồng trong các dây hụi 1,2 và 3 loại hụi 2.000.000 đồng khai ngày 09/9/2019 và dây 4 dây 5 loại hụi 2.000.000 đồng khai ngày 09/12/2019.

Những vấn đề các bên đương sự không thống nhất:

Bà Thạch C yêu cầu bà Thạch M trả tiền hụi mà bà C đã choàng tổng cộng bằng 31.080.000 đồng. Bà C không yêu cầu tính lãi.

Bà Thạch M không có khả năng trả tiền hụi cho bà C.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục giải quyết vụ án dân sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 26, 35, 39, 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 468 và 471 của Bộ luật dân sự; Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19-02-2019 của Chính phủ về hộ, hộ biểu phùng và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Vì đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Thạch C. Buộc bà Thạch M trả tiền hộ mà bà Thạch C đã choàng hộ tổng cộng 31.080.000 đồng. Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà M theo quy định.

Tại phiên tòa nguyên đơn vắng mặt nhưng vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vắng mặt và không có yêu cầu phản tố. Các đương sự không có mặt và không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Nguyên đơn bà Thạch C khởi kiện “Tranh chấp hộ đồng dân sự về góp hộ”. Đồng thời bị đơn bà Thạch M cư trú tại ấp Tr, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh nên xác định đây là vụ án dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn bà Thạch C và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Thạch Chuôi có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn bà Thạch M đã được triệu tập hộ lệ tham gia phiên tòa lần 2 nhưng bà M vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 338 Bộ luật tố tụng dân sự vẫn xét xử vụ án vắng mặt bà Thạch C, ông Thạch Chuôi và bà Thạch M.

[2] *Về nội dung:*

Trong đơn khởi kiện bà C yêu cầu bà M trả số tiền hộ là 36.000.000 đồng, quá trình giải quyết vụ án bà Thạch C đồng ý cản trừ thêm các hộ khác do bà M trình bày nên bà C thay đổi yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu bà Thạch M trả tiền hộ mà bà đã choàng hộ tổng cộng bằng 31.080.000 đồng (Loại hộ 2.000.000 đồng khai vào ngày 09-9-2019 dương lịch, hộ số 1, 2, 3 và khai ngày 09-12-2019 dương lịch hộ 4 và 5). Bà không yêu cầu tính lãi hộ. Việc thay đổi yêu cầu khởi kiện này số tiền hộ không vượt quá số tiền khởi kiện ban đầu, bà M là bị đơn cũng

không có ý kiến gì. Do đó Tòa án chấp nhận việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Xét hợp đồng góp hội giữa bà C và bà M là có thật. Trong thời gian từ năm 2019 đến năm 2020 bà C làm chủ hội của rất nhiều dây hội, loại hội khác nhau trong đó có các dây hội số 1, 2, 3, 4 và 5 loại hội 2.000.000 đồng, mở ngày 09-9-2019 DL và ngày 09-12-2019 DL có bà Thạch M tham gia. Sau khi hốt hội đáng lẽ bà M phải có nghĩa vụ đóng tiền hội chết cho đầu thảo để đầu thảo giao cho các hội viên đã tham gia góp hội, nhưng bà M chỉ thực hiện được một phần nghĩa vụ là góp hội chết đến kỳ thứ 9, sang kỳ thứ 10 thì bà M không góp nữa. Căn cứ vào xác nhận của các hội viên khai kỳ 10 đến 15 thì các hội viên đều đã nhận hội đầy đủ (bút lục 10 đến 22 trong hồ sơ vụ án). Chỉ riêng ông Thạch Chuôi là chưa xác nhận nhưng sau khi Tòa đưa ông Chuôi vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, qua lấy lời khai ông Chuôi cho biết việc bà C chưa trả nợ cho ông đã được Tòa án giải quyết bằng quyết định công nhận sự thỏa thuận xong nên vụ án này ông không yêu cầu gì trong vụ án này. Như vậy bà C đã hoàn thành nghĩa vụ của chủ hội với các hội viên khác nên việc bà M không đóng hội từ kỳ 10 đến 15 sau khi hốt hội của bà C đã vi phạm nghĩa vụ của hội viên đối với chủ hội. Việc vi phạm này làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của bà C nên bà C khởi kiện bà M là có căn cứ.

Căn cứ vào lời khai của bà M cũng xác nhận việc nợ hội như bà C trình bày là đúng nhưng bà M không có khả năng trả cho bà C số tiền bà C yêu cầu. Theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự thì “Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”. Việc bà M thừa nhận nợ nhưng chỉ cho rằng không có khả năng trả nợ cho bà C nên bà C không cần chứng minh thêm.

Từ những cơ sở nhận định trên và các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đủ cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Thạch C; Buộc bà Thạch M trả tiền hội mà bà C đã choàng tổng cộng bằng 31.080.000 đồng.

[3] Ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Bị đơn bà Thạch M phải chịu án phí nhưng bà là người cao tuổi có đơn xin miễn án phí được tòa án chấp nhận nên miễn án phí cho bà theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn bà Thạch C không phải chịu án phí.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 91, 92, 147 và Điều 227, 228, 238, 273, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 468 và Điều 471 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19-02-2019 của Chính phủ về họ, hui biểu phurong;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Thạch C.

2. Buộc bà Thạch M trả cho bà Thạch C số tiền hui là 31.080.000 đồng (Ba mươi mốt triệu không trăm tám mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Về án phí: Bị đơn bà Thạch M phải chịu toàn bộ án phí nhưng bà là người cao tuổi có đơn xin miễn án phí được tòa án chấp nhận nên miễn án phí cho bà theo quy định của pháp luật.

Bà Thạch C không phải chịu án phí. Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp 900.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0011547 ngày 08-11-2022; của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Trà Vinh cho bà Thạch C.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai để xin Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Võ Thị Ngọc Quyền (đã ký)**